



Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số 270/GP ngày 16 tháng 11 năm 1991

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 472033000328 (điều chỉnh lần 1) ngày 28 tháng 11 năm 2007
472033000328 (điều chỉnh lần 2) ngày 20 tháng 5 năm 2010
472033000328 (điều chỉnh lần 3) ngày 22 tháng 4 năm 2011
472033000328 (điều chỉnh lần 4) ngày 18 tháng 10 năm 2011
472033000328 (điều chỉnh lần 5) ngày 14 tháng 5 năm 2014
472033000328 (điều chỉnh lần 6) ngày 30 tháng 12 năm 2015
6525867086 (điều chỉnh lần 7) ngày 5 tháng 2 năm 2016

Giấy phép Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy phép Đầu tư số 270 CPH/GCNDDC3-BHK ngày 23 tháng 8 năm 2006. Giấy phép Đầu tư và các giấy phép điều chỉnh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và có giá trị trong 50 năm.

Các Giấy Chứng nhận Đầu tư do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp và có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị

Toru Yamasaki	Chủ tịch
Hajime Kobayashi	Thành viên (từ ngày 9 tháng 4 năm 2015)
Hirotsugu Otani	Thành viên (từ ngày 9 tháng 4 năm 2015)
Nguyễn Thị Kim Liên	Thành viên
Takayuki Morisawa	Thành viên
Hiroshi Fujikawa	Thành viên (đến ngày 9 tháng 4 năm 2015)

Ban Giám đốc

Toru Yamasaki	Tổng Giám đốc
Yoshihisa Fujiwara	Giám đốc/Giám đốc Nhà máy
Takayuki Morisawa	Giám đốc/Giám đốc Hành chính
Nguyễn Thị Kim Liên	Giám đốc/Giám đốc Kiểm soát Nội bộ
Taiichiro Iizumi	Giám đốc/Giám đốc Bán hàng
Yutaka Ogami	Giám đốc/Giám đốc Tài chính

Trụ sở đăng ký Lô 13, Khu Công nghiệp Tam Phước
Xã Tam Phước, Thành phố Biên Hòa
Tỉnh Đồng Nai
Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế **Báo cáo của Ban Giám đốc**

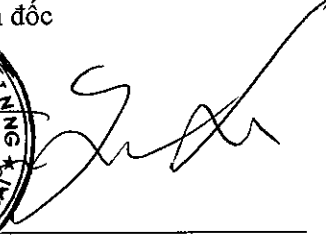
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 37 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Toru
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2016



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 3 năm 2016, được trình bày từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo số: 14-01-284



Lâm Thị Ngọc Thảo

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0866-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Anh Tuấn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0436-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 3 năm 2016

IN
ON
NH
P
T.P

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000 Đã phân loại lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		463.367.290	436.632.039
Tiền	110	5	172.256.452	111.277.531
Tiền	111		172.256.452	111.277.531
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		106.669.822	144.731.309
Phải thu của khách hàng	131	6	22.218.569	36.547.087
Trả trước cho người bán	132		3.301.691	4.579.446
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	82.726.107	104.673.603
Phải thu ngắn hạn khác	136		719.547	976.641
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(2.296.092)	(2.045.468)
Hàng tồn kho	140	9	183.485.382	179.430.711
Hàng tồn kho	141		185.404.269	182.865.732
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.918.887)	(3.435.021)
Tài sản ngắn hạn khác	150		955.634	1.192.488
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		881.723	1.192.488
Thuế phải thu Nhà nước	153		73.911	-
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		256.980.953	277.382.447
Các khoản phải thu dài hạn	210		26.568.962	26.555.102
Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	24.993.600	24.993.600
Phải thu dài hạn khác	216		1.575.362	1.561.502
Tài sản cố định	220		131.725.663	152.708.028
Tài sản cố định hữu hình	221	10	121.964.494	143.753.982
Nguyên giá	222		384.694.679	383.245.792
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(262.730.185)	(239.491.810)
Tài sản cố định vô hình	227	11	9.761.169	8.954.046
Nguyên giá	228		12.913.118	10.815.193
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.151.949)	(1.861.147)
Tài sản dở dang dài hạn	240		107.897	1.435.765
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	107.897	1.435.765
Đầu tư tài chính dài hạn	250		94.145.809	94.145.809
Đầu tư vào công ty con	251	13	94.145.809	94.145.809

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

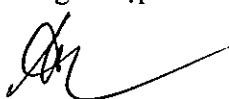
Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000 Đã phân loại lại
Tài sản dài hạn khác	260		4.432.622	2.537.743
Chi phí trả trước dài hạn	261	14	4.432.622	2.537.743
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		720.348.243	714.014.486
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		501.490.256	553.953.776
Nợ ngắn hạn	310		352.721.929	412.178.083
Phải trả người bán	311	15	72.199.918	95.168.043
Người mua trả tiền trước	312		3.116.598	3.316.859
Thuế phải nộp Nhà nước	313	16	10.146.490	5.729.562
Phải trả người lao động	314		9.983.488	9.496.505
Chi phí phải trả	315	17	75.212.784	51.940.032
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	1.742.651	657.082
Vay ngắn hạn	320	19(a)	180.320.000	245.870.000
Nợ dài hạn	330		148.768.327	141.775.693
Vay dài hạn	338	19(b)	146.510.000	138.970.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	2.258.327	2.805.693
Vốn chủ sở hữu (400 = 410)	400		218.857.987	160.060.710
Vốn chủ sở hữu	410	21	218.857.987	160.060.710
Vốn cổ phần	411	22	871.409.840	711.409.840
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		871.409.840	711.409.840
Thặng dư vốn cổ phần	412		85.035.704	85.035.704
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	23	90.034.048	90.034.048
Lỗi lũy kế	421		(827.621.605)	(726.418.882)
- Lỗi lũy kế đến cuối năm trước	421a		(726.418.882)	(544.887.495)
- Lỗi năm nay	421b		(101.202.723)	(181.531.387)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		720.348.243	714.014.486

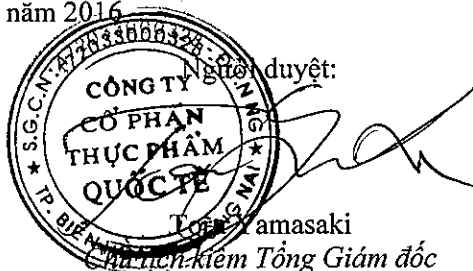
Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Hồng Phong
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Tetsuya Amasaki
 Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND'000	2014 VND'000 Đã phân loại lại
Doanh thu bán hàng	01	25	1.318.377.515	1.188.140.242
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	38.218.537	38.707.794
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	25	1.280.158.978	1.149.432.448
Giá vốn hàng bán	11	26	954.346.345	902.234.503
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		325.812.633	247.197.945
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	19.744.033	12.721.143
Chi phí tài chính	22	28	43.748.235	23.867.764
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		5.933.545	6.959.861
Chi phí bán hàng	25	29	360.120.414	393.315.759
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	38.579.001	31.012.598
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		(96.890.984)	(188.277.033)
Thu nhập khác	31	31	6.556.299	7.865.631
Chi phí khác	32	32	8.140.367	1.119.985
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(1.584.068)	6.745.646
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(98.475.052)	(181.531.387)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	2.727.671	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	34	-	-
Lỗ sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		(101.202.723)	(181.531.387)

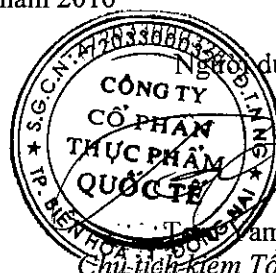
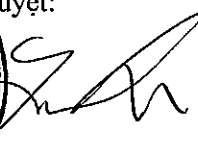
Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Hồng Phong
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Masaki
 Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2015 VND'000	2014 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lỗ trước thuế	01		(98.475.052)	(181.531.387)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		26.525.584	26.183.300
Các khoản dự phòng	03		11.582.489	3.435.021
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		14.815.424	4.893.279
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(3.182.827)	(2.835.768)
Chi phí lãi vay	06		5.933.545	6.959.861
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(42.800.837)	(142.895.694)
Biến động các khoản phải thu	09		13.692.545	(11.055.131)
Biến động hàng tồn kho	10		(13.295.688)	(2.442.325)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		61.324.550	99.902.710
Biến động chi phí trả trước	12		(1.584.114)	1.219.789
			17.336.456	(55.270.651)
Tiền lãi vay đã trả	14		(5.596.531)	(7.928.475)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.727.671)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(55.039)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		9.012.254	(63.254.165)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(4.270.694)	(8.124.668)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		645.455	-
Tiền chi cho vay	23		(32.110.000)	(40.400.000)
Tiền thu lãi tiền gửi	27		381.906	328.686
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(35.353.333)	(48.195.982)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Code	Note	2015 VND'000	2014 VND'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		160.000.000	210.000.000
Tiền thu từ đi vay	33		77.250.000	126.945.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(149.930.000)	(210.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		87.320.000	126.145.000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		60.978.921	14.694.853
Tiền đầu năm	60		111.277.531	96.582.678
Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	5	172.256.452	111.277.531

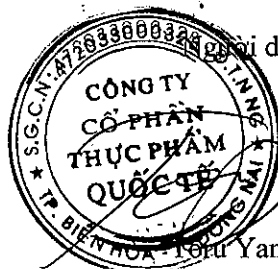
Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Hồng Phong
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Trần Yamasaki
Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy phép Niêm yết số 61/UBCK-GPNY do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 9 năm 2006.

Theo Thông báo số 395/2013 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, cổ phiếu của Công ty được hủy niêm yết kể từ ngày 3 tháng 5 năm 2013 và sau đó được giao dịch tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là chế biến nông sản và thủy sản thành sản phẩm đóng hộp, sấy khô, ướp đông, ướp muối và ngâm dấm; sản xuất các loại bánh và thức ăn nhẹ; chế biến nước trái cây có ga và không ga, chế biến nước giải khát không ga và có ga có độ cồn thấp hoặc không có cồn (nhỏ hơn 10%); sản xuất nước uống tinh khiết; sản xuất bao bì dùng cho thực phẩm và nước giải khát; và thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các sản phẩm phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh của Công ty.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty có 1.323 nhân viên (1/1/2015: 1.404 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Công ty lập và phát hành riêng báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng này cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Lỗ sau thuế trong năm của Công ty là 101.203 triệu VND (2014: 181.531 triệu VND). Hơn nữa, Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 19). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này cơ bản tùy thuộc vào việc Công ty tạo đủ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tài chính nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản chi phí hoạt động và việc cổ đông lớn cấp cao nhất tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính khi cần thiết nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, Công ty có hạn mức vay ngắn hạn chưa sử dụng là 17,5 triệu USD được sử dụng để thanh toán các khoản chi phí hoạt động và không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng cổ đông lớn cấp cao nhất sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”). Báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam được làm tròn đến hàng nghìn (“VND’000”).

3. Áp dụng Hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp mới ban hành

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán Doanh nghiệp (“Thông tư 200”). Thông tư 200 thay thế cho quy định về Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 200 có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký và áp dụng cho kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2015.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, Công ty đã áp dụng phi hồi tố các quy định của Thông tư 200. Những thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán của Công ty và các ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng của Công ty, nếu có, được trình bày trong thuyết minh báo cáo tài chính riêng sau đây:

- Ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái (Thuyết minh 4 (a)).

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá thực tế áp dụng cho các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn góp tại ngày góp vốn.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty nhận tiền từ khách hàng hoặc đối tác.
- Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty dự kiến thanh toán khoản phải trả đó.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí thanh toán ngay bằng ngoại tệ, tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày lập báo cáo tài chính được xác định như sau:

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là tài sản (tiền và phải thu): dùng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua ngoại tệ của chính ngân hàng nơi Công ty gửi tiền hoặc mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ là nợ phải trả (nợ phải trả và vay): dùng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Việc áp dụng chính sách kế toán này không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

(c) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty con phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty trước khi đưa ra quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi công ty con sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) *Khấu hao*

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- | | |
|--------------------------|-------------|
| ▪ máy móc và thiết bị | 10 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyên | 6 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng | 10 năm |

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm.

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) *Chi phí nâng cấp*

Chi phí nâng cấp được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm kể từ ngày hoàn tất việc nâng cấp.

(ii) *Công cụ và dụng cụ*

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iii) *Chi phí bảo hiểm và chi phí thuê*

Chi phí bảo hiểm và chi phí thuê được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn của hợp đồng bảo hiểm và hợp đồng thuê.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ trước hợp nhất trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày lập báo cáo tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày lập báo cáo tài chính.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu từ tiền lãi

Doanh thu từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015**

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(g) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

5. Tiền

	31/12/2015	1/1/2015
	VND'000	VND'000
Tiền mặt	156.214	159.047
Tiền gửi ngân hàng	172.100.238	111.118.484
	<hr/>	<hr/>
Tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	172.256.452	111.277.531
	<hr/>	<hr/>

6. Phải thu của khách hàng**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	31/12/2015	1/1/2015
	VND'000	VND'000
Liên hiệp Hợp tác xã Thương mại Thành phố Hồ Chí Minh	5.042.063	4.298.327
Công ty TNHH Dịch vụ EB	4.075.204	3.944.174
Các khách hàng khác	13.101.302	28.304.586
	<hr/>	<hr/>
	22.218.569	36.547.087
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2015	1/1/2015
	VND'000	VND'000
Ngắn hạn	22.218.569	36.547.087
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu về cho vay

	31/12/2015	1/1/2015
	VND'000	VND'000
Ngắn hạn		
Khoản vay ngắn hạn cấp cho một bên liên quan (i)	82.726.107	104.673.603
Dài hạn		
Khoản vay dài hạn cấp cho một bên liên quan (ii)	24.993.600	24.993.600

- (i) Khoản vay ngắn hạn cấp cho Công ty Cổ phần Thực phẩm Ava (“Avafood”) có hạn mức tín dụng là 7 triệu USD, không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm là Libor cộng 1%. Lãi suất năm dao động từ 1,731% đến 1,869% trong năm (2014: từ 1,731% đến 1,869%).
- (ii) Khoản vay dài hạn cấp cho Avafood không có đảm bảo và hưởng lãi suất năm cố định là 1,896% trong năm (2014: 1,896%). Khoản nợ gốc và các khoản lãi vay phát sinh sẽ đến hạn vào tháng 5 năm 2017.

8. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi

Biến động dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi trong năm như sau:

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Số dư đầu năm	2.045.468	2.045.468
Tăng dự phòng trong năm	2.341.472	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(2.090.848)	-
Số dư cuối năm	2.296.092	2.045.468

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Hàng tồn kho

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND'000	Dự phòng VND'000	Giá gốc VND'000	Dự phòng VND'000
Hàng mua đang đi đường	790.291	-	-	-
Nguyên vật liệu	39.684.219	-	52.314.741	(2.609.907)
Công cụ và dụng cụ	9.712.514	-	10.882.858	-
Sản phẩm dở dang	4.646.405	-	13.602.577	-
Thành phẩm	130.570.840	(1.918.887)	106.065.556	(825.114)
	185.404.269	(1.918.887)	182.865.732	(3.435.021)

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 có 14.207 triệu VND thành phẩm (1/1/2015: không) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2015 VND'000	2014 VND'000
Số dư đầu năm	3.435.021	-
Tăng dự phòng trong năm	9.241.017	3.435.021
Sử dụng dự phòng trong năm	(10.757.151)	-
Số dư cuối năm	1.918.887	3.435.021

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định hữu hình

	Máy móc và thiết bị VND'000	Phương tiện vận chuyển VND'000	Thiết bị văn phòng VND'000	Tổng VND'000
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	370.000.367	8.980.844	4.264.581	383.245.792
Tăng trong năm	1.133.075	110.000	312.937	1.556.012
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1.944.625	-	-	1.944.625
Thanh lý	-	(2.051.750)	-	(2.051.750)
Số dư cuối năm	373.078.067	7.039.094	4.577.518	384.694.679
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	230.561.264	6.410.169	2.520.377	239.491.810
Khấu hao trong năm	24.094.076	626.902	513.804	25.234.782
Thanh lý	-	(1.996.407)	-	(1.996.407)
Số dư cuối năm	254.655.340	5.040.664	3.034.181	262.730.185
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	139.439.103	2.570.675	1.744.204	143.753.982
Số dư cuối năm	118.422.727	1.998.430	1.543.337	121.964.494

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 60.372 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 (1/1/2015: 26.263 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị còn lại của các tài sản cố định hữu hình tạm thời không sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 22.737 triệu VND (1/1/2015: 1.415 triệu VND).

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vì tính VND'000
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	10.815.193
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	2.097.925
	<hr/>
Số dư cuối năm	12.913.118
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.861.147
Khấu hao trong năm	1.290.802
	<hr/>
Số dư cuối năm	3.151.949
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	8.954.046
Số dư cuối năm	9.761.169

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2015 VND'000	2014 VND'000
Số dư đầu năm	1.435.765	-
Tăng trong năm	2.714.682	3.747.591
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.944.625)	(2.274.026)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	(2.097.925)	(37.800)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	107.897	1.435.765

13. Đầu tư vào công ty con

Đầu tư vào công ty con phản ánh khoản đầu tư 90,4% vốn cổ phần trong Công ty Cổ phần Thực phẩm Ava (“Avafood”), một công ty với các hoạt động chính là cung cấp dịch vụ gia công và sản xuất các sản phẩm gồm nước trái cây, nước giải khát, nước uống tinh khiết; bánh, mứt và kẹo, các loại thức ăn nhẹ; các loại sản phẩm chế biến từ nông sản, thủy sản và gia súc; cho thuê nhà xưởng, nhà văn phòng; và thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu các sản phẩm phù hợp với ngành nghề sản xuất kinh doanh của công ty theo Giấy phép Đầu tư số 48/GP-ĐN do Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 19 tháng 7 năm 2002.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí nâng cấp VND'000	Công cụ và dụng cụ VND'000	Chi phí bảo hiểm VND'000	Chi phí thuê VND'000	Tổng VND'000
Số dư đầu năm	475.842	2.061.901	-	-	2.537.743
Tăng trong năm	1.962.944	2.217.247	497.276	2.344.425	7.021.892
Phân bổ trong năm	(802.998)	(1.804.299)	(217.126)	(2.302.590)	(5.127.013)
Số dư cuối năm	1.635.788	2.474.849	280.150	41.835	4.432.622

15. Phải trả người bán

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Công ty TNHH Bao Bì Nước Giải Khát Crown Đồng Nai	23.567.042	23.567.042	-	-
Công ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Vận Tải Hoa Lâm	7.034.398	7.034.398	-	-
Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam	4.272.267	4.272.267	38.979.224	38.979.224
Công ty Liên doanh TNHH Crown Sài Gòn	3.388.779	3.388.779	10.810.785	10.810.785
Các nhà cung cấp khác	33.937.432	33.937.432	45.378.034	45.378.034
	72.199.918	72.199.918	95.168.043	95.168.043

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Ngắn hạn	72.199.918	72.199.918	95.168.043	95.168.043

(c) Phải trả người bán là các bên liên quan

	31/12/2015		1/1/2015	
	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Giá gốc VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam, một bên liên quan	4.272.267	4.272.267	38.979.224	38.979.224

Khoản phải trả cho Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam phản ánh khoản phí gia công phải trả, không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả theo yêu cầu.

16. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2015 VND'000	Số phải nộp trong năm VND'000	Số đã cán trừ trong năm VND'000	Số đã nộp trong năm VND'000	31/12/2015 VND'000
Thuế giá trị gia tăng	5.338.398	124.412.240	(97.829.455)	(21.997.484)	9.923.699
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	2.727.671	-	(2.727.671)	-
Thuế thu nhập cá nhân	310.347	3.144.104	-	(3.235.309)	219.142
Các loại thuế khác	80.817	2.861.784	-	(2.938.952)	3.649
	5.729.562	133.145.799	(97.829.455)	(30.899.416)	10.146.490

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả

	31/12/2015	1/1/2015
	VND'000	VND'000
Chiết khấu và hoa hồng bán hàng	21.522.323	15.373.539
Chi phí khuyến mãi	25.292.954	8.835.982
Phí vận chuyển	6.000.705	7.920.713
Phí đặc phái nhân viên phải trả (*)	5.470.153	4.742.113
Chi phí lãi vay phải trả	2.179.737	2.168.572
Chi phí khác	14.746.912	12.899.113
	75.212.784	51.940.032
	75.212.784	51.940.032

(*) Theo Hợp đồng đặc phái nhân viên ngày 1 tháng 7 năm 2011, Công ty đã đồng ý trả phí đặc phái nhân viên cho Kirin Holdings Company, Limited, một bên liên quan, là đơn vị cung cấp dịch vụ tư vấn chiến lược và quản trị doanh nghiệp và hỗ trợ cho Công ty với một mức phí cố định được quy định trong hợp đồng cho từng nhân viên cụ thể.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2015	1/1/2015
	VND'000	VND'000
Phải trả phi thương mại cho một bên liên quan	852.501	-
Cổ tức phải trả	505.391	505.391
Phải trả khác	384.759	151.691
	1.742.651	657.082
	1.742.651	657.082

Khoản phải trả phi thương mại cho một bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả theo yêu cầu.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay	1/1/2015		Biến động trong năm		31/12/2015		
	Giá trị ghi số VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000	Tăng VND'000	Giảm VND'000	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện VND'000	Giá trị ghi số VND'000	Số có khả năng trả nợ VND'000
(a) Vay ngắn hạn							
Khoản vay từ Kirin Holdings Company, Limited	245.870.000	245.870.000	77.250.000	(149.930.000)	7.130.000	180.320.000	180.320.000
Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn không được đảm bảo hiện còn số dư như sau:							
	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000			
Khoản vay 1	USD	Libor cộng 0,8%	135.240.000	149.660.000			
Khoản vay 2	USD	Libor cộng 0,8%	-	96.210.000			
Khoản vay 3	USD	Libor cộng 0,8%	45.080.000	-			
			180.320.000	245.870.000			

Lãi suất năm áp dụng cho các khoản vay này dao động từ 1,036% đến 1,536% trong năm (2014: từ 0,954% đến 1,492%).

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Vay dài hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2015 VND'000	1/1/2015 VND'000
Khoản vay không được đảm bảo từ Kirin Holdings Company, Limited	USD	1,896%	2017	146.510.000	138.970.000

Khoản vay này không được đảm bảo, chịu lãi suất năm cố định là 1,896% trong năm (2014: 1,896%), là lãi suất được xác định dựa trên cơ sở lãi suất USD Swap Semi 30/360 5 năm cộng 0,8% một năm theo nguyên tắc tài chính hiện hành của Tập đoàn Kirin.

20. Dự phòng dài hạn

Biến động dự phòng trong năm như sau:

	Dự phòng trợ cấp thôi việc VND'000
Số dư đầu năm	2.805.693
Dự phòng sử dụng trong năm	(547.366)
Số dư cuối năm	<u>2.258.327</u>

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND'000	Thặng dư vốn cổ phần VND'000	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND'000	Lỗ lũy kế VND'000	Tổng VND'000
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	591.443.888	85.035.704	-	(544.887.495)	131.592.097
Vốn cổ phần đã phát hành	210.000.000	-	-	-	210.000.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(181.531.387)	(181.531.387)
Phân loại lại	(90.034.048)	-	90.034.048	-	-
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2015	711.409.840	85.035.704	90.034.048	(726.418.882)	160.060.710
Vốn cổ phần đã phát hành	160.000.000	-	-	-	160.000.000
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(101.202.723)	(101.202.723)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2015	871.409.840	85.035.704	90.034.048	(827.621.605)	218.857.987

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Số cổ phiếu	VND'000	Số cổ phiếu	VND'000
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	87.140.992	871.409.920	71.140.992	711.409.920
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	87.140.984	871.409.840	71.140.984	711.409.840

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu đã được Công ty mua lại, các quyền trên đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2015		2014	
	Số cổ phiếu	VND'000	Số cổ phiếu	VND'000
Số dư đầu năm	71.140.984	711.409.840	50.140.984	501.409.840
Cổ phiếu phát hành trong năm	16.000.000	160.000.000	21.000.000	210.000.000
Số dư cuối năm	87.140.984	871.409.840	71.140.984	711.409.840

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Vào ngày 1 tháng 1 năm 2013, Công ty đã thay đổi đơn vị tiền tệ kế toán từ Đô la Mỹ (“USD”) sang Đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với các quy định trong Thông tư số 244/2010/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009. Theo đó, toàn bộ số dư bằng USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái là 1 USD đổi 20.828 VND. Khoản chênh lệch giữa giá trị được quy đổi và mệnh giá của cổ phiếu phổ thông là 90.034.048.000 VND được trình bày trong quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.

24. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2015	1/1/2015
	VND'000	VND'000
Trong vòng một năm	12.937.430	9.263.521
Trong vòng hai đến năm năm	33.384.160	24.862.422
Sau năm năm	-	5.531.904
	46.321.590	39.657.847

(b) Ngoại tệ

	31/12/2015		1/1/2015	
	Nguyên tệ	Tương đương VND'000	Nguyên tệ	Tương đương VND'000
USD	1.118.655	25.113.813	2.229.236	47.661.063
EUR	339	8.291	350	8.938
		25.122.104		47.670.001

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***25. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Tổng doanh thu		
▪ Doanh thu từ nước giải khát	1.151.774.724	1.027.224.926
▪ Doanh thu từ bánh	10.625.268	22.852.895
▪ Doanh thu từ các sản phẩm khác	153.875.639	135.841.200
▪ Doanh thu từ bán phế liệu	2.101.884	2.221.221
	<hr/> 1.318.377.515	<hr/> 1.188.140.242
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	37.370.580	34.815.472
▪ Hàng bán bị trả lại	847.957	3.892.322
	<hr/> 38.218.537	<hr/> 38.707.794
Doanh thu thuần	<hr/> <hr/> 1.280.158.978	<hr/> <hr/> 1.149.432.448

26. Giá vốn hàng bán

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Giá vốn của nước giải khát	857.871.647	767.256.265
▪ Giá vốn của bánh	14.775.791	25.771.590
▪ Giá vốn của các sản phẩm khác	81.698.907	109.206.648
	<hr/> 954.346.345	<hr/> 902.234.503

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Lãi tiền gửi ngân hàng	381.906	328.686
Lãi từ các khoản cho Avafood vay	2.210.809	2.507.082
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	17.151.318	9.885.375
	19.744.033	12.721.143
	19.744.033	12.721.143

28. Chi phí tài chính

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Chi phí lãi vay	5.933.545	6.959.861
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	37.814.690	16.907.903
	43.748.235	23.867.764
	43.748.235	23.867.764

29. Chi phí bán hàng

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Chi phí nhân viên	163.973.427	133.135.610
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	87.223.620	151.812.914
Chi phí vận chuyển	86.301.552	87.587.479
Chi phí thuê	7.607.197	15.681.983
Chi phí khác	15.014.618	5.097.773
	360.120.414	393.315.759
	360.120.414	393.315.759

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Chi phí nhân viên	13.966.943	13.034.177
Chi phí tư vấn	5.765.826	4.701.434
Chi phí thuê	2.791.031	3.678.629
Chi phí dự phòng	2.341.472	-
Chi phí khấu hao và phân bổ	1.833.585	2.485.914
Chi phí khác	11.880.144	7.112.444
	<hr/>	<hr/>
	38.579.001	31.012.598
	<hr/>	<hr/>

31. Thu nhập khác

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Tiền bồi thường nhận được do nguyên vật liệu không đạt chuẩn	-	4.523.606
Lãi từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	590.112	-
Thu nhập khác	5.966.187	3.342.025
	<hr/>	<hr/>
	6.556.299	7.865.631
	<hr/>	<hr/>

32. Chi phí khác

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Các khoản phạt thuế	3.495.646	2.576
Chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình tạm thời không sử dụng	3.169.864	457.099
Chi phí khác	1.474.857	660.310
	<hr/>	<hr/>
	8.140.367	1.119.985
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	659.990.981	639.452.313
Chi phí nhân công và nhân viên	225.628.661	195.481.680
Chi phí khấu hao	26.525.584	26.183.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	508.989.359	456.494.815
Chi phí khác	30.165.096	9.407.851
	650.305.681	1.327.020.059

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.727.671	-
	2.727.671	-

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2015	2014
	VND'000	VND'000
Lỗi kế toán trước thuế	(98.475.052)	(181.531.387)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(21.664.511)	(39.936.905)
Chi phí không được khấu trừ thuế	3.505.046	23.176.410
Ảnh hưởng của thay đổi thuế suất	-	1.821.622
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận	18.159.465	14.938.873
Dự phòng thiếu trong những năm trước	2.727.671	-
	(77.848.481)	(186.632.487)

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2015		1/1/2015	
	Chênh lệch tạm thời VND'000	Giá trị tính thuế VND'000	Chênh lệch tạm thời VND'000	Giá trị tính thuế VND'000
Các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	79.427.763	15.885.553	57.434.153	12.635.514
Lỗi tính thuế	114.674.549	22.934.910	45.870.837	10.091.584
	<u>194.102.312</u>	<u>38.820.463</u>	<u>103.304.990</u>	<u>22.727.098</u>

Lỗi tính thuế hết hiệu lực vào các năm sau:

Năm hết hiệu lực	Tình hình quyết toán	Số lỗi được khấu trừ VND'000
2017	Chưa quyết toán	8.084.006
2019	Chưa quyết toán	37.786.831
2020	Chưa quyết toán	68.803.712
		<u>114.674.549</u>

Theo các quy định thuế hiện hành các chênh lệch tạm thời được khấu trừ không bị hết hiệu lực. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để Công ty có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

(d) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Công ty, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế trong 12 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (1994). Do đó, từ năm 2006 trở đi Công ty phải nộp thuế thu nhập theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 25%.

Theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007 (Nghị định này thay thế Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003), Công ty được hưởng ưu đãi thuế do việc dời địa điểm hoạt động kinh doanh về khu vực ngoại ô. Trong năm 2006, Công ty đã dời một trong các dây chuyền sản xuất từ Thành phố Biên Hòa ra Khu Công nghiệp Tam Phước, Thành phố Biên Hòa. Theo đó, lợi nhuận phát sinh từ dây chuyền sản xuất này sẽ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 6 năm tiếp theo. Cũng theo Nghị định này, Công ty được hưởng ưu đãi thuế đối với các khoản đầu tư vào các dây chuyền sản xuất mới đủ điều kiện của Nghị định này. Khoản ưu đãi thuế này bao gồm miễn thuế thu nhập doanh nghiệp một năm và giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong bốn năm tiếp theo cho lợi nhuận của các dây chuyền sản xuất mới này.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Theo Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 12 năm 2008 (Nghị định này thay thế Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007) và Nghị định số 122/2011/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2012 (cung cấp một số điều chỉnh đối với Nghị định số 124/2008/NĐ-CP), Công ty sẽ tiếp tục được hưởng ưu đãi thuế theo Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007.

Theo Công văn số 11924/TC-CST do Bộ Tài chính ban hành ngày 20 tháng 10 năm 2004, Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm sau khi niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty đã hoàn tất việc đăng ký với cơ quan thuế để được áp dụng các khoản ưu đãi thuế này bắt đầu từ năm 2007.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 22% cho năm 2015, và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016.

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng này, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND'000	2014 VND'000
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Kirin Holding Company, Limited		
Vay ngắn hạn nhận được	77.250.000	126.945.000
Vốn cổ phần đã phát hành	-	210.000.000
Chi phí lãi vay	5.933.545	6.959.861
Phí đặc phái nhân viên	10.693.893	9.626.009
Công ty con		
Công ty Cổ phần Thực phẩm Avafood		
Khoản cho vay ngắn hạn	32.110.000	40.400.000
Thu nhập lãi cho vay	2.210.809	2.507.082
Phí gia công	45.220.792	43.955.455
Phí thuê nhà máy và văn phòng	5.932.213	5.932.230
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH Nước Giải khát Kirin Việt Nam		
Phí gia công	160.073.961	132.662.976
Mua dịch vụ	2.021.010	-
Bán hàng hóa	9.652	8.808
Kirin Holdings Singapore Pte. Ltd		
Vốn cổ phần đã phát hành	160.000.000	-

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2015 VND'000	2014 VND'000
Thành viên Ban Giám đốc		
Phí đặc phái nhân viên	5.709.669	4.198.548
Tiền lương	1.848.300	1.818.001

36. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư

	2015 VND'000	2014 VND'000
Cán trừ các khoản phải trả nội bộ với các khoản phải thu nợ gốc vay và lãi vay từ công ty con	56.268.305	54.877.954

37. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán

Vào ngày 21 tháng 12 năm 2015, Kirin Holdings Company, Limited đã ký hợp đồng chuyển nhượng cổ phần với Kirin Holdings Singapore Pte. Ltd (“Kirin Singapore”), một bên liên quan để chuyển toàn bộ lợi ích trong Công ty cho Kirin Singapore. Việc chuyển nhượng cổ phần này đã hoàn tất sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

38. Số liệu so sánh

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2015 Công ty áp dụng Thông tư 200. Do việc thay đổi chính sách kế toán này, việc trình bày một số khoản mục báo cáo tài chính có thay đổi. Một số số liệu so sánh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được phân loại lại để phù hợp với quy định trong Thông tư 200 về trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Thực phẩm Quốc tế
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong năm trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán riêng

	1/1/2015 (đã phân loại lại) VND'000	1/1/2015 (theo báo cáo trước đây) VND'000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	104.673.603
Phải thu về cho vay ngắn hạn	104.673.603	-
Phải thu ngắn hạn khác	976.641	404.746
Tài sản ngắn hạn khác	-	571.895
Phải thu nội bộ dài hạn	-	24.993.600
Phải thu về cho vay dài hạn	24.993.600	-
Phải thu dài hạn khác	1.561.502	-
Tài sản dài hạn khác	-	1.561.502

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

	2014 (đã phân loại lại) VND'000	2014 (theo báo cáo trước đây) VND'000
Doanh thu bán hàng	1.188.140.242	1.185.919.021
Giá vốn hàng bán	902.234.503	846.280.556
Doanh thu hoạt động tài chính	12.721.143	12.763.212
Chi phí tài chính	23.867.764	23.909.833
Chi phí bán hàng	393.315.759	449.269.706
Thu nhập khác	7.865.631	10.086.852

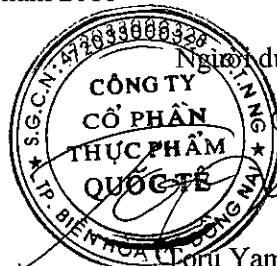
Ngày 21 tháng 3 năm 2016

Người lập:



Nguyễn Hồng Phong
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



Chloru Yamasaki
 Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc

